BSC

Thứ hai, ngày 21 tháng 3 năm 2022

Vietnam Daily Review

Con đường màu xanh

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/3/2022		•	
Tuần 21/3-25/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau 1 chuỗi phiên giao dịch thận trọng, các nhà đầu tư đã mạnh tay đập tiền vào thị trường trong phiên hôm nay. Phản ứng của thị trường trên thế giới bao gồm Việt Nam sau khi FED tăng điểm là khá tích cực khi FED chỉ nâng 0.25% thay vì 0.5%. Hiện tượng này đã khiến tâm lý nhà đầu tư trở nên tích cực hơn và quay trở lại giao dịch trên thị trường. Độ rộng thị trường tích cực với 18/19 ngành tăng điểm, trong đó dẫn đầu là nhóm Bảo hiểm, Bất động sản và Thực phẩm & Đồ uống. Khối ngoại mua ròng mạnh tại HSX trong khi bán ròng nhẹ tại HNX. Thanh khoản tăng trở lại, dòng tiền lan tỏa vào nhóm ngành cũng như hiệu ứng các thông tin vĩ mô tiêu cực suy yếu đang khiến VN-Index trở nên khá là hấp dẫn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 21/03/2022, phần lớn các chứng quyền vẫn tăng trưởng mạnh theo xu hướng đi ngang của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 2): KDH_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

• VN-Index +25.85 điểm, đóng cửa 1494.95 điểm. HNX-Index +7.08 điểm, đóng cửa 458.29 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: VHM (+3.26), NVL (+2.71), MSN (+2.58), GAS (+2.54), VIC (+2.14).
• Kéo chỉ số giảm: VJC (-0.64), BID (-0.13), HPX (-0.10), HVN (-0.08), HAH (-0.04).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 21.909 tỷ đồng, giảm -1.76% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24.223 tỷ đồng.
• Biên độ dao động 20.57 điểm. Thị trường có 326 mã tăng, 59 mã tham chiếu và 113 mã giảm.
• Giá trị mua ròng của khối ngoại: 1099.53 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm STB (116.22 tỷ), GEX (113.40 tỷ), GAS (60.87 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -12.89 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1494.95**
Giá trị: 21909.29 tỷ 25.85 (1.76%)
Khối ngoại (ròng): 1099.53 tỷ

HNX-INDEX **458.29**
Giá trị: 3069.93 tỷ 7.08 (1.57%)
Khối ngoại (ròng): -12.89 tỷ

UPCOM-INDEX **116.18**
Giá trị: 1428.39 tỷ 0.14 (0.12%)
Khối ngoại(ròng): 5.98 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	108.8	3.87%
Giá vàng	1,926	0.22%
Tỷ giá USD/VND	22,860	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,264	-0.07%
Tỷ giá JPY/VND	19,172	#DIV/0!
LS liên NH 1 tháng	2.5%	18.27%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	116.2	SAB	-5.1
GEX	113.4	BID	-5.0
GAS	60.9	MIG	-4.9
VRE	56.9	VJC	-4.0
VNM	53.4	OCB	-3.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC

3/21/2022

Vietnam Daily Review

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

KDH_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD sắp cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng hồi phục.

Nhận định: KDH nằm trong xu hướng hồi phục sau khi tạo thành mô hình 2 đáy tại ngưỡng 500 Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng của cổ phiếu. Chỉ báo RSI đều đang cho thấy xu hướng vận động tích cực trong khi chỉ báo MACD hướng đang chuyển sang xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu vượt ngưỡng MA20 và MA50, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 53.3, chốt lãi tại ngưỡng 61.3 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 51.5.

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	3.87%
Bất động sản	3.48%
Thực phẩm và đồ uống	2.73%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.65%
Bán lẻ	2.25%
Hóa chất	1.79%
Xây dựng và Vật liệu	1.65%
Ô tô và phụ tùng	1.58%
Y tế	1.13%
Dịch vụ tài chính	0.87%
Truyền thông	0.84%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.78%
Tài nguyên Cơ bản	0.64%
Ngân hàng	0.60%
Dầu khí	0.57%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.39%
Công nghệ Thông tin	0.22%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	-1.96%

Hình 1

HSX-Index Intraday

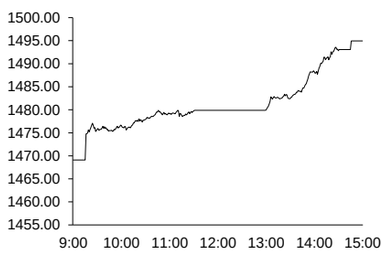

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday

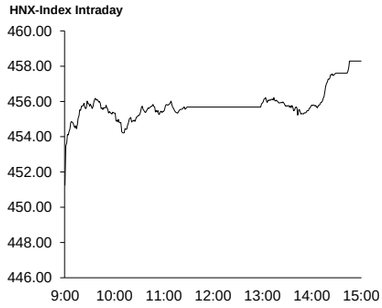

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
18/3/22	LIG	16	22	14	16.2	3	1.25%	Có thể tiếp tục mua
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	9.25	4	12.94%	Có thể tiếp tục mua
16/3/22	VTP	70	76	66	72.9	5	4.14%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	28.1	6	-0.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	28.1	7	14.69%	Cân nhắc không mua thêm (**)
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	17.05	11	0.89%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	44.8	18	0.90%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	38.2	21	-0.39%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	22.9	25	-2.55%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	26	26	4.84%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	21.6	31	9.09%	Có thể tiếp tục mua
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37	34	-3.90%	Có thể tiếp tục mua
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	46.85	41	2.85%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: **(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt** **(**) Tiệm cận giá mục tiêu**

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	44	SL	32	-7.76%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất **TP - Đã chốt lời** **SL - Đã cắt lỗ** **FS - Đóng vị thế sớm**

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	4	5.73%	-1.80%	3.42%	19
Cổ phiếu đã chốt	238	185	7.74%	-7.26%	5.00%	24

BSC

3/21/2022

Vietnam Daily Review

Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4

VN30-Index Intradday vs HĐTL 1 tháng Intraday

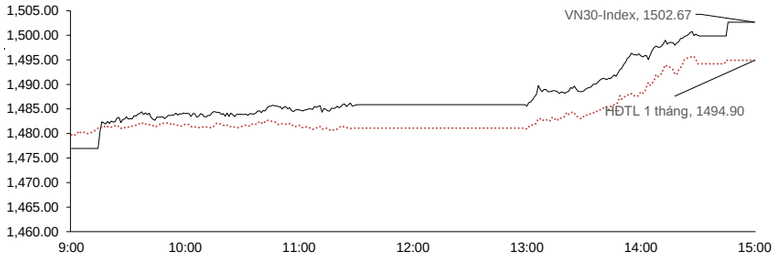

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MSN	145.00	**6.07**	4.24
NVL	82.40	**6.87**	3.87
VHM	77.50	**3.89**	3.20
VIC	81.00	**2.79**	2.48
VPB	36.80	**1.52**	1.85

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1469.90	-0.13%	-32.77	-5.3%	113,309	4/21/2022	33
VN30F2205	1493.00	1.08%	-9.67	-18.4%	239	5/19/2022	61
VN30F2206	1488.90	0.88%	-13.77	53.3%	92	6/16/2022	89
VN30F2209	1489.90	0.91%	-12.77	5.9%	36	9/15/2022	180

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VJC	143.3	**-3.31**	-1.44
BID	43.8	**-0.23**	-0.02
STB	33.1	**0.00**	0.00
PLX	56.0	**0.18**	0.01
CTG	32.9	**0.15**	0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 tăng 25.73 điểm lên 1502.67 điểm. Các cổ phiếu như MSN, NVL, VHM, VIC, VPB đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 hồi phục mạnh sau chuỗi phiên tích lũy trong vùng 1470-1500 điểm. Tín hiệu tích cực cùng với thanh khoản dần tăng trở lại đang củng cố xu hướng tăng của VN30 trở lại vùng 1500-1530 điểm.

• Các HĐTL đều tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng trừ VN30F2205. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng trừ VN30F2206 Điểm số tăng trong khi số lượng hợp đồng mở mới tăng cho thấy xu hướng vận động theo chiều long. Các nhà đầu tư có thể xem xét mua HĐ ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2111	4/8/2022	18	10:1	440,300	30.43%	1,900	900	21.62%	676	1.33	140,000	130,000	134,900
CMWG2114	4/20/2022	30	12:1	158,300	30.43%	2,600	1,100	17.02%	650	1.69	158,800	130,000	134,900
CVPB2111	4/20/2022	30	4:1	202,900	32.12%	2,300	1,710	13.25%	814	2.10	36,680	34,000	36,800
CVPB2111	4/20/2022	30	4:1	202,900	32.12%	2,300	1,710	13.25%	814	2.10	36,680	34,000	36,800
CMSN2104	5/4/2022	44	9.98:1	480,800	38.35%	5,200	2,830	13.20%	2,828	1.00	119,147	0	145,000
CKDH2107	4/27/2022	37	8:1	328,300	35.24%	1,300	1,290	11.21%	1,213	1.06	48,448	43,888	53,300
CPNJ2201	9/20/2022	183	8:1	166,300	32.76%	2,300	2,750	8.27%	2,072	1.33	113,980	95,500	105,600
CVRE2105	5/4/2022	44	5:1	277,800	37.58%	1,200	980	3.16%	769	1.27	30,150	30,000	33,200
CVRE2105	5/4/2022	44	5:1	277,800	37.58%	1,200	980	3.16%	769	1.27	30,150	30,000	33,200
CMBB2107	4/8/2022	18	2:1	755,600	30.23%	2,200	1,570	2.61%	1,208	1.30	42,520	30,000	32,200
CVJC2103	4/27/2022	37	20:1	634,400	25.87%	1,500	950	2.15%	725	1.31	146,799	129,999	143,300
CSTB2201	9/21/2022	184	5:1	929,000	37.15%	1,500	1,660	1.22%	1,118	1.48	37,138	29,888	33,100
CSTB2202	9/20/2022	183	2:1	44,000	37.15%	2,700	3,700	1.09%	2,902	1.27	30,100	29,500	33,100
CSTB2112	5/24/2022	64	1:1	59,300	37.15%	3,800	3,870	0.52%	3,343	1.16	32,180	31,000	33,100
CTCB2105	5/4/2022	44	5:1	558,200	29.64%	3,600	1,460	0.00%	1,026	1.42	47,450	45,000	49,450
CSTB2110	4/27/2022	37	8:1	224,700	37.15%	1,000	590	0.00%	455	1.30	38,479	29,999	33,100
CMBB2201	9/20/2022	183	2:1	72,100	30.23%	2,700	3,380	-0.59%	2,311	1.46	33,500	29,500	32,200
CTPB2101	4/6/2022	16	3.7:1	13,900	40.97%	2,500	2,100	-1.87%	1,799	1.17	43,397	33,333	39,900
CVRE2110	4/27/2022	37	8:1	99,500	37.58%	1,000	660	-2.94%	466	1.41	35,439	29,999	33,200
CVRE2110	4/27/2022	37	8:1	99,500	37.58%	1,000	660	-2.94%	466	1.41	35,439	29,999	33,200
			Tổng	**5,585,300**	**34.41%****								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất*** ***CR: Tỷ lệ chuyển đổi***

Lãi suất phi rủi ro là 4.75% ***Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn***

*****Trung bình độ lệch chuẩn*** ****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 21/03/2022, phần lớn các chứng quyền vẫn tăng trưởng mạnh theo xu hướng đi ngang của cổ phiếu cơ sở.

• CACB2102 và CPNJ2109 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 253.54% và 86.21%. Giá trị giao dịch tăng mạnh 66.58%. CHPG2114 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 21.54% thị trường.

• CSTB2112, CVRE2105, CVRE2114, và CVRE2110 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2109, CVIC2106, CHPG2114, và CVHM2115 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, CSTB2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.9	2.5%	0.6	4,181	5.3	6,936	19.5	4.7	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	105.6	2.0%	0.7	1,044	3.2	4,526	23.3	4.0	48.6%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	58.5	4.3%	1.3	1,888	3.5	2,501	23.4	2.1	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	51.0	2.6%	0.5	519	1.0	3,543	14.4	1.6	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	81.0	2.8%	0.6	13,432	12.8	(759)	N/A	N/A	3.1	12.7%	-3.1%
VRE	Bất động sản	33.2	0.6%	1.1	3,280	5.1	578	57.4	2.5	30.0%	4.4%
VHM	Bất động sản	77.5	3.9%	1.1	14,672	14.8	9,048	8.6	2.6	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	44.8	6.9%	1.3	1,170	28.4	1,942		3.0	29.8%	15.5%
SSI	Chứng khoán	44.3	1.1%	1.6	1,912	13.3	2,768	16.0	3.1	37.8%	22.5%
VCI	Chứng khoán	59.5	1.7%	1.0	861	3.3	4,512	13.2	3.0	20.3%	27.1%
HCM	Chứng khoán	35.5	0.6%	1.6	706	3.9	2,805	12.7	2.2	43.3%	19.5%
FPT	Công nghệ	95.3	0.2%	0.9	3,760	6.5	4,792	19.9	4.8	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	74.0	0.7%	0.4	1,056	0.1	4,304	17.2	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	114.0	4.7%	1.2	9,487	4.1	4,381	26.0	4.3	2.7%	17.4%
PLX	Dầu khí	56.0	0.2%	1.5	3,094	3.4	2,337	24.0	2.8	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	35.1	0.9%	1.7	729	11.3	1,260	27.9	1.4	8.8%	5.0%
BSR	Dầu khí	26.8	1.5%	0.8	3,613	8.1	(909)		2.7	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	110.1	1.2%	0.3	626	0.1	5,720	19.2	3.8	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	62.4	-0.2%	0.9	1,062	10.3	7,914	7.9	2.3	9.9%	33.5%
DCM	Hóa chất	42.6	0.5%	0.7	981	8.6	3,313	12.9	3.0	7.0%	25.3%
VCB	Ngân hàng	84.9	0.8%	1.0	17,469	3.4	5,005	17.0	3.6	23.6%	21.4%
BID	Ngân hàng	43.8	-0.2%	1.2	9,633	2.4	2,090	21.0	2.7	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.9	0.2%	1.5	6,864	4.9	2,940	11.2	1.7	25.8%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.8	1.5%	1.2	7,113	10.4	2,667	13.8	2.1	17.5%	18.0%
MBB	Ngân hàng	32.2	0.3%	1.2	5,290	16.3	3,362	9.6	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	33.0	0.5%	1.1	3,871	4.7	3,554	9.3	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	59.1	-0.2%	0.6	210	0.1	2,618	22.6	2.1	85.2%	9.0%
NTP	Nhựa	58.5	-2.2%	0.4	300	0.7	3,951	14.8	2.5	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	30.2	0.7%	1.1	1,443	0.8	39	774.4	2.4	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.9	0.8%	1.1	9,111	39.3	7,708	6.1	2.3	22.2%	46.1%
HSG	Thép	38.2	0.9%	1.4	820	16.4	8,581	4.5	1.7	7.2%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	77.6	2.1%	0.6	7,051	6.3	4,518	17.2	4.9	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	152.2	0.5%	0.8	4,244	0.4	5,663	26.9	4.6	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	145.0	6.1%	1.0	7,443	5.5	7,257	20.0	5.2	28.4%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	23.3	1.3%	1.3	637	3.5	1,135	20.5	1.8	7.6%	8.7%
ACV	Vận tải	#VALUE!	#VALUE!	0.8	#VALUE!	#VALUE!	699	N/A	N/A	N/A	0.0%	4.6%
VJC	Vận tải	143.3	-3.3%	1.1	3,374	4.9	2,271		4.6	16.7%	7.7%
HVN	Vận tải	25.2	-0.6%	1.7	2,426	3.2	(6,523)		23.3	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	54.4	0.9%	1.0	713	5.7	1,846	29.5	2.6	42.6%	9.1%
PVT	Vận tải	26.0	0.8%	1.2	366	4.7	2,066	12.6	1.6	10.2%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	105.6	-0.8%	0.7	735	0.5	10,538	10.0	3.5	3.7%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	51.3	0.8%	0.3	1,000	0.8	2,729	18.8	3.2	3.9%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.3	2.1%	0.9	403	3.0	966	25.1	1.8	1.8%	7.0%
CTD	Xây dựng	86.4	-0.7%	1.0	277	1.6	310	278.3	0.8	45.6%	0.3%
CII	Xây dựng	32.0	3.6%	0.9	337	15.9	(1,398)	N/A	N/A	1.6	10.5%	-6.9%
REE	Điện	72.0	0.3%	-1.4	967	1.0	6,002	12.0	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	44.4	3.1%	-0.4	454	4.1	2,997	14.8	2.2	5.1%	15.9%
POW	Điện	16.2	0.6%	0.6	1,649	5.7	759	21.3	1.3	2.1%	6.1%
NT2	Điện	22.8	0.2%	0.6	285	0.5	1,778	12.8	1.6	13.7%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	53.8	1.3%	1.2	1,333	9.1	1,593	33.8	2.2	17.9%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	76.9	1%	1.0	3,461	0.8			5.1	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	77.50	3.89	3.24	4.45MLN
NVL	82.40	6.87	2.63	7.26MLN
MSN	145.00	6.07	2.51	890400
GAS	114.00	4.68	2.51	830800
VIC	81.00	2.79	2.15	3.71MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	51.30	9.85	2.01	3.77MLN
CEO	74.20	6.00	1.39	7.64MLN
THD	169.80	1.07	0.81	437900
IDC	73.50	2.51	0.70	4.18MLN
IDJ	31.60	8.97	0.49	1.92MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VJC	0.00	-0.68	788200	1.11MLN
HPX	0.00	-0.11	597900	607060
BID	0.00	-0.10	1.28MLN	373600
HVN	0.00	-0.09	2.92MLN	192700
HAH	0.00	-0.05	1.45MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	31.80	-3.64	-1.16	48600
NTP	58.50	-2.17	-0.08	264100
VIF	19.60	-5.31	-0.07	3400
PTI	60.60	-2.26	-0.05	38200
OCH	16.20	-1.82	-0.05	926800

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPR	79.80	6.97	0.06	886200.00
DIG	101.60	6.95	0.85	5.94MLN
PDR	90.90	6.94	0.75	6.15MLN
HQC	9.25	6.94	0.07	30.14MLN
BIC	31.65	6.93	0.06	279500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PPE	14.30	10.0	0.00	40200
VE4	82.50	10.0	0.01	100
VLA	88.00	10.0	0.01	13700
VTC	20.90	10.0	0.01	18600
BTW	33.10	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DQC	59.60	-6.88	-0.04	1.12MLN
RDP	16.65	-6.72	-0.02	300300
PTC	52.10	-5.79	-0.02	523200.00
PMG	18.05	-5.50	-0.01	16400
HPX	30.80	-4.50	-0.11	597900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PBP	33.90	-9.84	-0.01	87900
PDC	17.70	-9.69	-0.01	94000
SIC	20.80	-9.57	-0.02	2200
PGT	11.50	-9.45	-0.01	152700
VDL	19.80	-8.76	-0.01	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

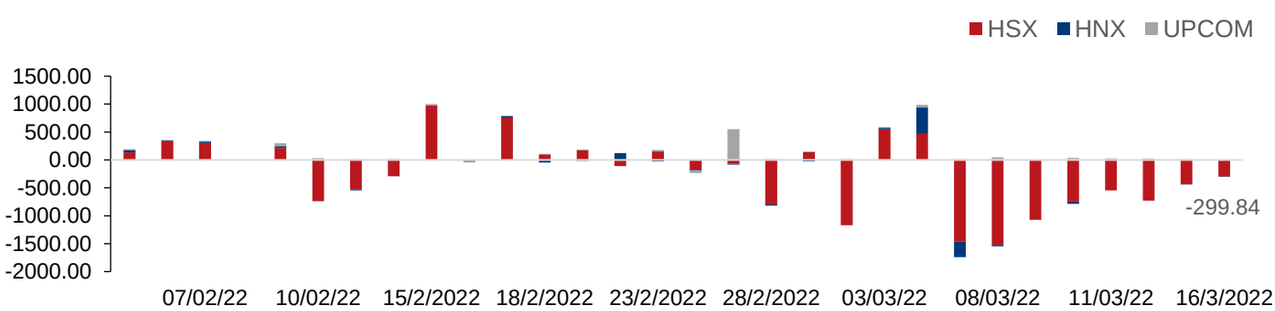

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	40.6	1,006	40.3	2.2	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	42.3	1,968	21.5	2.0	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.8	-909	#N/A N/A	2.7	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	74.2	362	205.0	6.4	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	86.4	310	278.3	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.0	7,200	10.3	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	42.6	3,313	12.9	3.0	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	199.5	13,122	15.2	5.6	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	80.6	5,715	14.1	3.7	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.2	2,448	13.6	2.2	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	44.8	1,942	23.1	3.0	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	26.0	948	27.4	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.0	1,454	11.7	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	95.3	4,792	19.9	4.8	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	114.0	4,381	26.0	4.3	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	114.0	4,381	26.0	4.3	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	33.9	3,134	10.8	2.4	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.9	7,708	6.1	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	38.2	8,581	4.5	1.7	Click
21	HUT	XD-BĐS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	51.3	157	327.3	4.7	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.8	1,520	13.0	0.9	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	19.8	1,520	13.0	0.9	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	17.1	689	24.8	1.3	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	53.3	1,833	29.1	3.4	Click
26	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	50.7	5,898	8.6	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	#VALUE!	699	#N/A N/A	#N/A N/A	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	134.9	6,936	19.5	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	47.3	10,793	4.4	1.8	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	59.5	3,055	19.5	2.6	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.8	1,778	12.8	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	44.4	2,997	14.8	2.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.6	4,526	23.3	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	105.6	4,526	23.3	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.2	759	21.3	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	51.0	3,543	14.4	1.6	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	35.1	1,260	27.9	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.5	4,085	8.9	3.3	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	41.5	14,346	2.9	1.1	Click
40	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	74.2	3,013	24.6	5.1	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	26.8	2,375	11.3	3.8	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.5	570	44.7	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	84.6	6,052	14.0	2.7	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	77.6	4,518	17.2	4.9	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.2	578	57.4	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.8	3499.1	12.8	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.9	1,646	17.6	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639